TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 214/2025/DS-ST
Ngày: 26 – 9 – 2025
Về việc tranh chấp hợp đồng hợp tác, hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nhật Quang.

2. Ông Nguyễn Thanh Giàu.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 271/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp vốn, hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201A/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 206/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1972; Nơi thường trú: D khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: D khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Võ Tấn H, sinh năm 1982; Nơi thường trú: Số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2025, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/6/2025, bản tự khai, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh L trình bày:***

Ông Nguyễn Minh L có mối quan hệ quen biết với ông Võ Tấn H. Trước đây, ông L đã cho ông Võ Tấn H vay tiền, nợ tiền hàng, tiền hùn vốn làm ăn, cụ thể như sau:

Ông L cùng ông H hùn vốn làm ăn, theo đó ông H lấy vốn đi mua phôi cao su rồi bán lại lấy lời, hai bên thỏa thuận chia đôi lợi nhuận, ông L nhận 50% lợi nhuận bán phôi cao su và được nhận lại số tiền gốc. Cụ thể, ông L bỏ tổng vốn là 273.200.000 đồng theo biên lai giao dịch chuyển khoản ngày 22/9/2024, 26/9/2024, 27/11/2024 và ông L được nhận phần lợi nhuận là: 50% x 74.121.000 đồng = 37.060.000 đồng theo Bảng Excel Công nợ tổng các tháng do ông H gửi cho ông L vào ngày 05/12/2024 (theo hình ảnh và file mềm). Do đó, Tổng số tiền vốn và lợi nhuận ông H phải thanh toán cho ông L là: 310.260.000 đồng.

Ngoài ra, ông H còn mượn ông L số tiền 400.000.000 đồng, ông L đã chuyển khoản cho ông H mượn vào ngày 15/12/2022, tuy nhiên ông H đã trả được 100.000.000 đồng, chuyển khoản trả cho ông L vào các ngày 20/12/2022, số tiền 25.000.000 đồng, ngày 21/12/2022, số tiền 25.000.000 đồng, ngày 20/02/2023, số tiền 50.000.000 đồng. Còn lại 300.000.000 đồng ông H chưa trả nên đã viết Giấy mượn nợ ngày 18/8/2024 (giấy tay), ông H hứa thanh toán nợ cho ông Nguyễn Minh L thành 03 lần cụ thể: Trong tháng 11/2024, thanh toán số tiền 100.000.000 đồng, ngày 30/02/2025, thanh toán số tiền 100.000.000 đồng, ngày 30/5/2025, thanh toán số tiền 100.000.000 đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay ông Võ Tấn H vẫn chưa thanh toán số tiền nào cho ông L theo đúng thỏa thuận, ông L đã liên hệ nhiều lần thì H chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nhận thấy việc ông H không thanh toán nợ đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L nên ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Võ Tấn H phải trả cho ông Nguyễn Minh L tổng số tiền 1.062.702.358 đồng, bao gồm:

1) Tiền hùn vốn làm ăn: Tiền vốn gốc: 273.200.000 đồng + Tiền lợi nhuận làm ăn: 37.060.000 đồng = 310.260.000 đồng. Tiền lãi chậm trả của số tiền 310.260.000 đồng (tính từ ngày 06/12/2024 - 06/01/2025), lãi suất 10%/năm, số tiền 2.585.500 đồng.

Tổng cộng: 312.845.500 đồng.

2) T nợ theo Giấy nợ tiền hàng lập ngày 18/8/2024: Tiền nợ gốc: 434.821.000 đồng + Tiền lãi chậm trả tính từ 01/10/2024 – 01/01/2025, lãi suất lãi suất 10%/năm, số tiến: 10.870.525 đồng. Tổng cộng: 445.691.525 đồng.

3) Số tiền nợ theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024 bao gồm:

+ Tiền nợ gốc (có thời hạn trả trong tháng 11-2024): 100.000.000 đồng + tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2024 đến ngày 01/01/2025, lãi suất 10%/năm, số tiền: 833.333 đồng. Tổng cộng: 100.833.333 đồng.

+ Tiền nợ gốc (có thời hạn trả ngày 30/02/2025): 100.000.000 đồng + tiền lãi chậm trả tính từ 01/03/2025 đến 15/06/2025, lãi suất 10%/năm, số tiền: 2.916.000 đồng. Tổng cộng: 102.916.000 đồng.

+ Tiền nợ gốc (có thời hạn trả ngày 30/5/2025): 100.000.000 đồng + tiền lãi chậm trả tính từ 01/06/2025 đến 15/06/2025, lãi suất 10%/năm, số tiền: 416.000 đồng. Tổng cộng: 100.416.000 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024 là 304.165.333 đồng.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn ông Nguyễn Minh L có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về tiền góp vốn, không yêu cầu bị đơn trả tiền lợi nhuận làm ăn số tiền 37.060.000 đồng và số tiền 2.585.500 đồng tiền lãi nữa; chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn gốc: 273.200.000 đồng.

Các yêu cầu khác, có thay đổi về tiền lãi như sau:

+ Đối với tiền nợ gốc (có thời hạn trả ngày 30/02/2025): 100.000.000 đồng + tiền lãi chậm trả tính từ 01/03/2025 đến 15/06/2025 (03 tháng 14 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền: 2.878.000 đồng. Tổng cộng: 102.878.000 đồng.

Các yêu cầu còn lại giữ nguyên.

Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.023.018.858 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm:

Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, Giấy nợ tiền hàng ngày 18/8/2024; Hình chụp màn hình chuyển khoản, Giấy báo nợ ngày 27/11/2024 + Sao kê tài khoản ngày 27/11/2024 tại Ngân hàng TMCP H2 – Chi nhánh B – Phòng G; Giấy báo nợ ngày 26/9/2024 + Sao kê tài khoản từ ngày 22/9/2024 đến ngày 26/9/2025 tại Ngân hàng TMCP H2 – Chi nhánh B – Phòng G; Sao kê tài khoản ngày 10/9/2025; Thống kê công nợ tổng các tháng; bản giải trình, bản tự khai.

Bị đơn ông Võ Tấn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Võ Tấn H đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

Về tố tụng, quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn ông Nguyễn Minh L chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn ông Võ Tấn H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành pháp luật tố tụng, tự từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngoài ra, không có yêu cầu khắc phục vi phạm nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền góp chung với bị đơn để mua phôi cao su nhằm mục đích bán chia nhau lợi nhuận và tiền nợ vay nên

quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng hợp tác, hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 385, Điều 463, Điều 504 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ: Số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Minh L có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem như bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn ông Nguyễn Minh L cung cấp và tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

[1.4] Quá trình tố tụng, ngày 19 tháng 9 năm 2025, nguyên đơn ông Nguyễn Minh L có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu về tiền góp vốn, không yêu cầu bị đơn trả tiền lợi nhuận làm ăn số tiền 37.060.000 đồng và số tiền 2.585.500 đồng tiền lãi nữa; chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn gốc: 273.200.000 đồng.

Đối với tiền nợ gốc (có thời hạn trả ngày 30/02/2025) có thay đổi về tiền lãi như sau: 100.000.000 đồng + tiền lãi chậm trả tính từ 01/03/2025 đến 15/06/2025 (03 tháng 14 ngày), lãi suất 10%/năm, số tiền: 2.878.000 đồng. Tổng cộng: 102.878.000 đồng.

Các yêu cầu khác giữ nguyên. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán là 1.023.018.858 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Khoản 1 Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 273.200.000 đồng là tiền hợp tác làm ăn thấy rằng:

Mặc dù hợp đồng hợp tác giữa nguyên đơn và bị đơn không đảm bảo về mặt hình thức, không thỏa thuận bằng hợp hợp đồng hay thỏa thuận bằng văn bản cụ thể, tuy nhiên, căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp như: Các tin nhắn zalo giữa nguyên đơn và bị đơn, bảng Thống kê công nợ tổng các tháng do bị đơn gửi cho nguyên đơn vào ngày 05/12/2024, H1 chụp màn hình chuyển khoản kèm theo Giấy báo nợ ngày 26/9/2024, ngày 27/11/2024, Sao kê tài khoản từ ngày 22/9/2024 đến ngày 26/9/2025 và ngày 27/11/2024 tại Ngân hàng TMCP H2 – Chi nhánh B – Phòng G xác định nguyên đơn ông Nguyễn Minh L đã chuyển cho bị đơn ông Võ Tấn H số tiền 273.200.000 đồng với mục đích hợp tác mua phôi cao su bán chia lợi nhuận với nhau. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không giữ đúng thỏa thuận, không thanh toán lợi nhuận cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán lại số tiền 273.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ vay, tiền lãi theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, Giấy nợ tiền hàng ngày

18/8/2024 thấy rằng:

Đối với khoản vay theo Giấy nợ tiền hàng ngày 18/8/2024 có thể hiện nội dung ông Võ Tấn H xác nhận nợ ông Nguyễn Minh L số tiền 434.821.000 đồng, thời hạn thanh toán vào ngày 30/9/2024, ông L và ông H đều ký tên, ghi rõ họ tên xác nhận nội dung trên. Đến hạn thanh toán nhưng bị đơn đã không thanh toán nợ cho nguyên đơn như theo thỏa thuận.

Đối với khoản vay theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn xác định, thực tế trước khi hai bên ký Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024 trên thì bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 400.000.000 đồng, sau đó bị đơn đã thanh toán được 100.000.000 đồng, chuyển khoản cho nguyên đơn vào các ngày 20/12/2022, số tiền 25.000.000 đồng, ngày 21/12/2022, số tiền 25.000.000 đồng, ngày 20/02/2023, số tiền 50.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng ông H chưa trả nên đã viết Giấy mượn nợ ngày 18/8/2024 như nêu trên, căn cứ Sao kê tài khoản ngày 10/9/2025, Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024 có chữ ký của bị đơn có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng, đến thời hạn thanh toán lần lượt vào tháng 11 năm 2024, ngày 30/02/2025 và ngày 30/5/2025, mỗi lần thanh toán 100.000.000 đồng, tuy nhiên, bị đơn đã không thanh toán cho nguyên đơn như đúng thỏa thuận.

Việc bị đơn không trả số tiền nợ, tiền đã vay đúng theo thời hạn thỏa thuận là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ như trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu tính lãi:

Tại Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, Giấy nợ tiền hàng ngày 18/8/2024 nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận về lãi suất, như vậy thỏa thuận vay giữa các bên là thỏa thuận vay không có lãi. Đến hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015, lãi suất được tính là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng và 0,027%/ngày) theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó:

+ Đối với khoản nợ 434.821.000 đồng theo Giấy nợ tiền hàng lập ngày 18/8/2024, ngày đến hạn thanh toán là 30/9/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính lãi từ ngày 01/10/2024 đến ngày 01/01/2025 (03 tháng), mức lãi suất 10%/năm, số tiền 10.870.525 đồng, gốc và lãi: 445.691.525 đồng là có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với số tiền nợ 100.000.000 đồng có thời hạn thanh toán vào tháng 11-2024, theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính lãi từ ngày 01/12/2024 đến ngày 01/01/2025 (01 tháng), mức lãi suất 10%/năm, số tiền 833.333 đồng, gốc và lãi: 100.833.333 đồng là có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với số tiền nợ 100.000.000 đồng có thời hạn thanh toán vào ngày 30/02/2025, theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính lãi từ ngày 01/3/2025 đến ngày 15/6/2025 (03 tháng 14 ngày), mức lãi suất 10%/năm, số tiền 2.878.000 đồng, gốc và lãi: 102.878.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

+ Đối với số tiền nợ 100.000.000 đồng có thời hạn thanh toán vào ngày 30/5/2025, theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả tính lãi từ ngày 01/6/2025 đến ngày 15/6/2025 (14 ngày), mức lãi suất 10%/năm, số tiền 416.000 đồng, gốc và lãi: 100.416.000 đồng là có cơ sở chấp nhận

Tổng số tiền gốc và lãi theo Giấy mượn nợ lập ngày 18/08/2024 bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 304.132.333 đồng.

[2.4] Như vậy, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là: 1.023.018.858 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí MInh về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 280, Điều 385, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 506 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh L đối với bị đơn ông Võ Tấn H về việc "Tranh chấp hợp đồng hợp tác, hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Võ Tấn H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh L số tiền 1.023.018.858 đồng (*Một tỷ, không trăm hai mươi ba triệu, không trăm mười tám nghìn, tám trăm năm mươi tám đồng*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Võ Tấn H phải chịu 42,690,566 đồng (*Bốn mươi hai triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, năm trăm sáu mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Nguyễn Minh L số tiền 18.890.550 đồng (*Mười tám triệu, tám trăm chín mươi nghìn, năm trăm năm mươi đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001252 ngày 05 tháng 05 năm 2025 và số tiền 5.083.300 đồng (*Năm triệu, không trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên

lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004302 ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 16, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Ánh